

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Dũng;
- Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1988; thường trú: số C ấp B xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; tạm trú: số H tổ C, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1975; thường trú: số 157/13/16A đường D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: nhà trọ Nguyễn Văn Bé N tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà T và ông S chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/11/2012. Sau khi cưới, vợ chồng bà T, ông S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà T và ông S đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S.

Về con chung: trong quá trình sống chung bà T và ông S có 01 con chung tên Lê Nguyên Như Ý, sinh ngày 21/01/2015. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông S được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ về việc bị khởi kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T đối với bị đơn ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S.

[2] Bà Lê Thị Hồng T và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/11/2012, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống giữa bà và ông S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông S tham gia tố tụng nhưng ông S vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông S vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T và

ông S là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T và ông S có 01 con chung tên Lê Nguyên Như Ý, sinh ngày 21/01/2015. Xét yêu cầu nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: bà T làm công nhân, thập nhập đủ điều kiện để nuôi con, cháu Ý đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T đối với bị đơn ông S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” như sau:

- Về hôn nhân: bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông S.
- Về con chung: giao con chung tên Lê Nguyên Như Ý, sinh ngày 21/01/2015 cho bà Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000 1348 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

